

# TÌM HIỂU LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ VÀ LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

*ThS. Nguyễn Thị Kim Dung<sup>(\*)</sup>*

Ngày 22/11/2019 Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 (sau đây gọi tắt là Luật 2019). Luật này có hiệu lực từ 01/7/2020. Theo đó, Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 (sau đây gọi tắt là Luật TCCP 2015) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 (sau đây gọi tắt là Luật TCCQĐP 2015) có nhiều nội dung được sửa đổi, bổ sung. Bài viết này giới thiệu một số nội dung cần lưu ý trong Luật 2019.

## **1. Điều chỉnh về quyền hạn, nhiệm vụ của Chính phủ**

Khoản 3 Điều 23 Luật TCCP 2015 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ: Quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan thuộc Chính phủ; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Theo Luật 2019, quy định trên được sửa đổi, bổ sung như sau: Quyết định việc thành lập, sáp nhập, giải thể cơ quan thuộc Chính phủ; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu để tổ chức đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy định về tổ chức, khung số lượng, tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu để tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Như vậy, Luật 2019 bổ sung và quy định chi tiết hơn quyền hạn, nhiệm vụ của Chính phủ trong việc quyết định tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu để tổ chức đơn vị trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; quy định về tổ chức, khung số lượng, tiêu chí thành lập và số lượng biên chế tối thiểu để tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

---

<sup>(\*)</sup> Phó Trưởng khoa Luật, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

Khoản 4 Điều 23 Luật TCCP 2015 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong quản lý về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, chế độ công vụ, cán bộ, công chức, viên chức và công tác thi đua, khen thưởng như sau: “Thống nhất quản lý nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ trung ương đến địa phương.”

Theo Luật 2019, điều, khoản này được sửa đổi, bổ sung như sau: “Thống nhất quản lý nhà nước về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; quản lý biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập từ trung ương đến địa phương; quy định số lượng cấp phó tối đa của người đứng đầu đơn vị trực thuộc cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”

Như vậy, Luật 2019 bổ sung thêm quyền hạn, nhiệm vụ của Chính phủ: quy định số lượng cấp phó tối đa của người đứng đầu đơn vị trực thuộc cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ngoài ra, Chính phủ còn quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan, tổ chức khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định thành lập hội đồng, Ủy ban hoặc ban khi cần thiết để giúp Thủ tướng Chính phủ nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những vấn đề quan trọng liên ngành; Thực hiện việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức và thực hiện phân cấp quản lý công chức, viên chức đối với các tổ chức, đơn vị trực thuộc theo quy định của pháp luật; Quyết định thành lập đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, biệt phái, đình chỉ công tác, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu tổ chức, đơn vị trực thuộc; Chính phủ quy định số lượng cấp phó của người đứng đầu tổng cục không quá 04; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quyết định số lượng cấp phó của người

đứng đầu vụ, văn phòng, thanh tra, cục, đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm bình quân không quá 03 người trên một đơn vị.

## **2. Không còn sử dụng thuật ngữ “Họp bất thường”**

Luật 2019 thay thế cụm từ “bất thường” bằng “chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất” tại khoản 1 Điều 44 Luật TCCP 2015. Như vậy, theo Luật 2019 thì Chính phủ họp thường kỳ mỗi tháng một phiên hoặc họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, theo yêu cầu của Chủ tịch nước hoặc của ít nhất một phần ba tổng số thành viên Chính phủ (không dùng khái niệm “họp bất thường”).

Tương tự, Luật 2019 thay thế cụm từ “bất thường” bằng cụm từ “chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 78, khoản 2 và khoản 3 Điều 80, khoản 1 và khoản 3 Điều 97, khoản 2 Điều 113, khoản 4 Điều 114 trong Luật TCCQĐP 2015.

## **3. Một số điều chỉnh về tổ chức chính quyền địa phương**

Khoản 1 Điều 4 Luật TCCQĐP 2015 quy định: “1. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại Điều 2 của Luật này.”

Luật 2019 bổ sung: “... phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.” sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi địa phương và theo đúng chủ trương tinh gọn, sắp xếp lại tổ chức chính quyền địa phương nhằm phát huy mọi tiềm năng của mỗi địa phương.

Luật 2019 sửa đổi, bổ sung Điều 44, Điều 58 Luật TCCQĐP 2015 như sau: Chính quyền địa phương ở quận là cấp chính quyền địa phương, trừ trường hợp cụ thể Quốc hội quy định không phải là cấp chính quyền địa phương; Chính quyền địa phương ở phường là cấp chính quyền địa phương, trừ trường hợp cụ thể Quốc hội quy định không phải là cấp chính quyền địa phương. Theo đó, Quốc hội có thể quy định quận, phường không phải là cấp chính quyền địa phương.

Luật 2019 cũng sửa đổi, bổ sung khoản 2 và khoản 3 Điều 72 Luật TCCQĐP 2015 như sau: Tại đơn vị hành chính cấp huyện ở hải đảo tổ chức cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Trường hợp đơn vị hành chính cấp huyện ở hải đảo chia thành các đơn vị hành chính cấp xã thì tại đơn vị hành chính cấp xã tổ chức cấp chính quyền địa phương, trừ trường hợp cụ thể Quốc hội quy định không phải là cấp chính quyền địa phương, cấp

chính quyền địa phương tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện ở hải đảo gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Việc tổ chức các cơ quan thuộc chính quyền địa phương ở địa bàn hải đảo thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 75 Luật TCCQĐP 2015 được sửa đổi, bổ sung như sau: Việc tổ chức chính quyền địa phương, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt do Quốc hội quy định khi thành lập đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt đó.

Luật 2019 khuyến khích việc nhập các đơn vị hành chính cùng cấp. Thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính không đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

#### **4. Điều chỉnh về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân**

Điều 7 Luật TCCQĐP 2015 được bổ sung thêm khoản 1a vào sau khoản 1 Điều 7 như sau: “1a. Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam.” Bổ sung này đã giải quyết được một số vướng mắc trên thực tế, rằng nếu như một người có nhiều quốc tịch, trong đó có quốc tịch Việt Nam thì có thể ứng cử là đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân không?

Điều 35 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân 2015 quy định về hồ sơ ứng cử và thời gian nộp hồ sơ ứng cử “Công dân ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật này phải nộp hồ sơ ứng cử chậm nhất là 70 ngày trước ngày bầu cử”; như vậy chỉ công dân Việt Nam mới được ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân; nhưng Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân 2015 lại chưa quy định rõ người nhiều quốc tịch có được ứng cử hay không? Nay Luật 2019 quy định rõ chỉ cần “Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam”; như vậy phù hợp với xu thế mở cửa, hội nhập hiện nay.

Số lượng các đại biểu Hội đồng nhân dân mỗi cấp cũng có sự điều chỉnh, ví dụ: Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở thành phố trực thuộc trung ương bầu ra. Việc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

- Thành phố trực thuộc Trung ương có từ một triệu dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên một triệu dân thì cứ thêm 60.000 dân được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá 85 đại biểu;

- Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được bầu 95 đại biểu.

Trước đây, khoản 1 điều 39 Luật TCCQĐP 2015 quy định: “1. Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở thành phố trực thuộc Trung ương bầu ra.

Việc xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện theo nguyên tắc sau đây:

a) Thành phố trực thuộc Trung ương có từ một triệu dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; có trên một triệu dân thì cứ thêm 50.000 được bầu thêm một đại biểu, nhưng tổng số không quá 95 đại biểu;

b) Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được bầu 105 đại biểu.”

Như vậy, tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh trước đây được bầu 105 đại biểu; nay giảm còn 95 đại biểu.

## **5. Điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân**

Điều 34 Luật TCCQĐP 2015 quy định: “Ủy ban nhân dân xã loại I có không quá hai Phó Chủ tịch; xã loại II và loại III có một Phó Chủ tịch.”

Luật 2019 sửa đổi, bổ sung Điều 34 như sau: “Ủy ban nhân dân xã loại I, loại II có không quá hai Phó Chủ tịch; xã loại III có một Phó Chủ tịch.”

Tương tự như trên, Luật 2019 sửa đổi, bổ sung điều 62, điều 69 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015: Ủy ban nhân dân phường, thị trấn loại I, loại II có không quá hai Phó Chủ tịch; phường, thị trấn loại III có một Phó Chủ tịch.

## **6. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp**

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020. Từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến khi bầu ra Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021 - 2026, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tại các đơn vị hành chính, cơ cấu Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp xã, số lượng Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Phó Trưởng ban của Ban của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn loại II tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13./.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13.
2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13.
3. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13.
4. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 (Luật số 47/2019/QH14).